

Số: 1989477

|                                            | Kia Sorento - 2.5G Signature (7 chỗ) Nội thất nâu | Peugeot 408 Legend Allure |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.099.000.000đ</b>                             | <b>1.039.000.000đ</b>     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                   |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                | 4687 x 1850 x 1510        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                              | 2787                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                              |                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                               | 189                       |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1790   1820                                       | 1430                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2330   2450                                       | 1880                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                               | 536                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                | 52                        |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                 | 5                         |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                  | SX-LR trong nước          |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                   |                           |
| Loại động cơ                               | Smartstream G2.5                                  | 1,6 Turbo PureTech        |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2497                                              | 1598                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 177 / 6000                                        | 218 / 5500                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 232 / 4000                                        | 300 / 2000                |
| Hộp số                                     | 6AT                                               | 8AT                       |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                       | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                         | Độc Lập Mac Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                  | Bán Độc Lập               |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                               | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                               | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                        | 225/55 R18                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 10.6                                              | 9.74                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 7.15                                              | 6.31                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 8.45                                              | 7.59                      |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                           | Eco/Normal/Sport          |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                   |                           |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                     | Xenon                     |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                 | -                         |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                 | ●                         |
| Đèn sương mù                               | LED                                               | Halogen Projector         |
| Cụm đèn sau                                | LED                                               | Halogen                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                 | ●                         |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                 | ●                         |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                 | ●                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                   |                           |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                 | ●                         |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                | Da                        |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                 | ●                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                 | -                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                 | ●                         |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                                 | -                         |

|                                          |                                              |             |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng)               | ●           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                            | ●           |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | 12.3"                                        | Analog      |
| Màn hình HUD                             | ●                                            | ●           |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 10.25"                                   | AVN 7       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                            | ●           |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                            | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2 vùng                                       | 2           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                            | ●           |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                            | ●           |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                            | ●           |
| Khởi động từ xa                          | ●                                            | -           |
| Hệ thống âm thanh                        | 12 loa Bose                                  |             |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                            | ●           |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                            | -           |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                            | -           |
| Đèn trang trí nội thất                   | ●                                            | ●           |
| Rèm che nắng                             | ●                                            | ●           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | -                                            | ●           |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                              |             |
| Số túi khí                               | 6                                            | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                            | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                            | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                            |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm             | ●                                            |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                  | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                            | -           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                            | -           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                            | -           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                            | ●           |
| Camera lùi                               | Camera 360                                   | ●           |